

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3696 /UBND-KT
V/v tham gia ý kiến dự thảo Thông tư

Bắc Giang, ngày 18 tháng 10 năm 2018

Kính gửi: Sở Tài chính

Thực hiện Công văn số 13021/BTC-NSNN ngày 23/10/2018 của Bộ Tài chính về việc ý kiến tham gia đối với dự thảo Thông tư quy định thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thị Thu Hà có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham gia ý kiến vào dự thảo Thông tư của Bộ Tài chính. Ý kiến tham gia gửi Bộ Tài chính và Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 31/10/2018.

*(Kèm theo bản phô tô Công văn số 13021/BTC-NSNN ngày 23/10/2018
và dự thảo Thông tư của Bộ Tài chính)*

Nơi nhận: vch

- Như kính gửi;
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Thị Thu Hà;
- Lưu: VT, KT. Hải;

Bản điện tử

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TPKT, TH;

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Trần Quốc Khánh



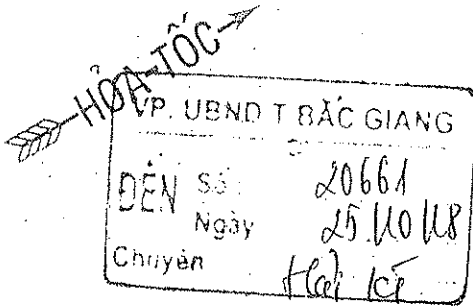
Số 13021 /BTC-NSNN

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2018

V/v ý kiến tham gia đối với dự thảo
Thông tư quy định thực hiện hỗ trợ tiền
điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Ủy ban Dân tộc;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam.



Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Thông báo số 304/TB-VPCP ngày 21/8/2018 của Văn phòng Chính phủ: “giao Bộ Tài chính tiếp thu các ý kiến tại cuộc họp, chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc và Tập đoàn Điện lực Việt Nam nghiên cứu đề xuất phương thức chi trả phù hợp để khắc phục các bất cập hạn chế ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả của chính sách như đã được các Bộ, cơ quan, địa phương báo cáo”. Bộ Tài chính đã dự thảo Thông tư của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, theo đó thay đổi phương thức chi trả phù hợp để khắc phục các bất cập hạn chế ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả của chính sách theo hướng:

(1) Chi trả phần NSNN hỗ trợ người dân theo quy định thông qua cơ quan điện lực địa phương (hoặc đơn vị bán lẻ điện) đối với đối tượng sống ở vùng có điện lưới theo lượng điện thực tế sử dụng hằng tháng nhưng không quá 30kWh/hộ/tháng;

(2) Chi trả trực tiếp cho người dân sống ở vùng chưa có điện lưới hằng quý qua cán bộ xã, thôn hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích tùy theo điều kiện thực tế của địa phương.

Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, Ủy ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam có ý kiến đối với dự thảo Thông tư của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội (đính kèm) gửi Bộ Tài chính trước

ngày 31/10/2018 để tổng hợp, hoàn thiện Thông tư và ban hành để hướng dẫn các địa phương tổ chức, triển khai thực hiện chính sách kịp thời.

Bộ Tài chính xin cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ, địa phương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TTgCP Vương Đình Huệ (để b/c);
- VPCP;
- Tổng cục Thuế;
- Cục: QLG, TCDN;
- Vụ: HCSN, PC, CST;
- KBNN;
- Lưu: VT, NSNN (88b).

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Số: /2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

THÔNG TƯ

**Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện
cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội**

DỰ THẢO

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số /2018/QĐ-TTg ngày tháng năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;

Căn cứ Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo Quyết định số /2018/QĐ-TTg ngày tháng năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.

2. Đối tượng được hỗ trợ tiền điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt là một trong những hộ gia đình sau:

a) Hộ nghèo thu nhập theo tiêu chí được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nếu có (Sau đây gọi là hộ nghèo); Trường hợp địa phương có hộ nghèo theo chuẩn quy định của địa phương cao hơn chuẩn hộ nghèo quốc gia thì thực hiện theo chuẩn hộ nghèo thực tế tại từng địa phương, kinh phí hỗ trợ tiền điện cho số hộ nghèo có chuẩn nghèo cao hơn chuẩn quốc gia do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Hộ có thành viên đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng không thuộc diện hộ nghèo thu nhập theo quy định của pháp luật và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50kWh ở vùng có điện lưới (sau đây gọi là hộ chính sách xã hội sống ở vùng có điện lưới);

c) Hộ có thành viên đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng không thuộc diện hộ nghèo thu nhập theo quy định của pháp luật sống ở vùng chưa có điện lưới (sau đây gọi là hộ chính sách xã hội sống ở vùng chưa điện lưới);

d) Hộ đồng bào dân tộc thiểu số không thuộc diện hộ nghèo thu nhập theo quy định của pháp luật sống ở vùng chưa có điện lưới (sau đây gọi là hộ chính sách xã hội sống ở vùng chưa điện lưới).

Điều 2. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ và thời gian thực hiện

1. Mỗi hộ nghèo và hộ chính sách xã hội chỉ được hưởng một mức hỗ trợ tiền điện. Mức hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt hàng tháng tương đương số lượng điện thực tế sử dụng tối đa không quá 30 kWh/hộ/tháng tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành. Đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng chưa có điện lưới, mức hỗ trợ tối đa không quá 30 kWh/hộ/tháng tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành. Khi cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 tăng, giảm so với hiện hành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương điều chỉnh kịp thời mức hỗ trợ tiền điện hàng tháng tương đương số lượng điện thực tế sử dụng tối đa không quá 30 kWh/hộ/tháng tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 đã điều chỉnh.

2. Phương thức hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội:

a) Hằng tháng, chi trả qua Công ty điện lực hoặc đơn vị bán lẻ điện (sau đây gọi là cơ quan điện lực) đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng có điện lưới;

b) Hằng quý, chi trả trực tiếp theo hình thức hỗ trợ bằng tiền đến hộ nghèo và hộ chính sách xã hội sống ở vùng chưa có điện lưới.

3. Thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội do ngân sách nhà nước đảm bảo theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017-2020 quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ:

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa: 100% nhu cầu kinh phí tăng thêm cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách; 80% nhu cầu kinh phí tăng thêm cho các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương từ 10% trở xuống và tỉnh Quảng Ngãi; 50% nhu cầu kinh phí tăng thêm cho các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương từ trên 10% đến 50%; 30% nhu cầu kinh phí tăng thêm cho các địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương từ trên 50% đến 60%;

b) Ngân sách địa phương: Địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương từ 10% trở xuống và tỉnh Quảng Ngãi, cân đối ngân sách địa phương bố trí tối thiểu 20% kinh phí; địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương từ trên 10% đến 50%, cân đối ngân sách địa phương bố trí tối thiểu 50% kinh phí; địa phương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương từ trên 50% đến 60%, cân đối ngân sách địa phương bố trí tối thiểu 70% kinh phí; các địa phương còn lại, ngân sách địa phương tự đảm bảo.

Hàng năm, trường hợp các địa phương có nguồn cải cách tiền lương còn dư, sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu cải cách tiền lương trong năm, thì sử dụng để chi trả thay phần ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội (giảm tương ứng phần ngân sách trung ương phải hỗ trợ theo chế độ). Trường hợp sau khi sử dụng hết nguồn cải cách tiền lương còn dư để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành (trong đó có chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội), ngân sách địa phương vẫn thiếu nguồn, ngân sách trung ương sẽ bổ sung phần chênh lệch thiếu cho địa phương để thực hiện chính sách theo mức hỗ trợ tối đa quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với các địa phương có số hộ nghèo theo chuẩn nghèo của địa phương cao hơn chuẩn hộ nghèo quốc gia, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cân đối ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ tiền điện cho số hộ nghèo đó.

2. Kinh phí tổ chức triển khai, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các Bộ, ngành và địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 4. Lập dự toán ngân sách nhà nước

1. Việc lập, phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Ủy ban nhân dân cấp xã (đơn vị nhận ủy quyền) được đơn vị dự

toán cấp I (đơn vị ủy quyền) của ngân sách cấp huyện phân bổ và giao dự toán để thực hiện hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội sống ở vùng chưa có điện lưới.

2. Dự toán ngân sách được lập theo các chỉ tiêu, biểu mẫu kèm theo Thông tư này và phải thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán (Đối tượng; kinh phí; nguồn kinh phí) theo đúng chế độ, chính sách quy định.

3. Hằng năm, căn cứ số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội thuộc diện hỗ trợ tiền điện được cấp có thẩm quyền quyết định và mức hỗ trợ tiền điện, Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán kinh phí hỗ trợ tiền điện **Biểu mẫu số 01-DT/HTTĐ** gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, Phòng Công Thương, Phòng Dân tộc tổng hợp dự toán ngân sách huyện.

Ủy ban nhân dân cấp huyện lập dự toán kinh phí hỗ trợ tiền điện theo **Biểu mẫu số 02-DT/HTTĐ** cùng với dự toán ngân sách huyện gửi Sở Tài chính, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Công Thương, Ban Dân tộc để tổng hợp cùng với dự toán ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập dự toán kinh phí hỗ trợ tiền điện theo **Biểu mẫu số 03-DT/HTTĐ** cùng với dự toán ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; trong đó xác định rõ các nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương gửi Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc.

4. Căn cứ báo cáo của các địa phương, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Công Thương, Ủy ban Dân tộc báo cáo theo **Biểu mẫu số 04-DT/HTTĐ**, gửi Bộ Tài chính tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước.

5. Căn cứ số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt, đánh giá tình hình thực hiện chính sách của năm hiện hành và dự toán năm tiếp theo do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo; kết quả điều tra, rà soát số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội để thực hiện chính sách của năm hiện hành và dự toán năm tiếp theo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội công bố, cung cấp; số hộ chính sách xã hội có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50kWh, số hộ dân sống ở vùng chưa có điện lưới do Bộ Công Thương cung cấp; số hộ đồng bào dân tộc thiểu số (trong đó số hộ đồng bào dân tộc thiểu số không thuộc hộ nghèo thu nhập) sống ở vùng chưa có điện lưới do Ủy ban Dân tộc cung cấp, Bộ Tài chính tổng hợp, bố trí dự toán năm sau trình cấp có thẩm quyền bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

Điều 5. Quản lý, cấp phát, thanh toán

1. Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Trên cơ sở kinh phí bố trí dự toán từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và phân bổ kinh phí cho các huyện.

Căn cứ nguồn kinh phí được giao, nhu cầu kinh phí hỗ trợ tiền điện trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định và phân bổ ngân sách cho Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; căn cứ dự toán được giao, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện phân bổ kinh phí chi trả qua cơ quan điện lực để giảm trừ số tiền điện được hỗ trợ trong hóa đơn tiền điện của hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng có điện lưới; đồng thời, phân bổ và giao dự toán cho các xã, phường, thị trấn (đối với kinh phí ủy quyền chi trả trực tiếp cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng chưa có điện lưới).

Căn cứ nguồn kinh phí được giao, nhu cầu kinh phí hỗ trợ tiền điện đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng chưa có điện lưới trên địa bàn, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện theo quy định.

3. Hằng năm, trước ngày 10 tháng 01, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định xác định hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện và lập danh sách theo **Biểu mẫu số 05-DS/HTTĐ** gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định, có trách nhiệm thẩm định, ký xác nhận vào danh sách hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện do Ủy ban nhân dân xã lập, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo cho cơ quan điện lực về danh sách hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng có điện lưới và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn về danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện trước ngày 20 tháng 01 hằng năm. Trường hợp có sự thay đổi về đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ tiền điện, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo cho cơ quan điện lực, Ủy ban nhân dân cấp xã để làm căn cứ tổ chức thực hiện.

Căn cứ danh sách hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng có điện lưới do Ủy ban nhân dân huyện thông báo, cơ quan điện lực hằng tháng có trách nhiệm xác định hộ nghèo thu nhập, hộ chính sách xã hội sử dụng không quá 50kWh thuộc đối tượng hỗ trợ tiền điện và giảm trừ vào số tiền phải thu trong hóa đơn tiền điện của hộ gia đình.

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo công khai mức hỗ trợ tiền điện và danh sách từng hộ nghèo, hộ chính sách xã hội thuộc diện được hỗ trợ tiền điện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với cá nhân, dân cư.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện chi trả tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội như sau:

a) Đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng có điện lưới:

Hằng tháng, căn cứ danh sách hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng có điện lưới do Ủy ban nhân dân huyện cung cấp, trên cơ sở lượng điện sinh hoạt thực tế sử dụng của hộ nghèo, hộ chính sách xã hội có lượng điện sử dụng không quá 50kWh/hộ/tháng, cơ quan điện lực thực hiện giảm trừ trực tiếp số tiền phải thu trong hóa đơn tiền điện của hộ gia đình số tiền ngân sách hỗ trợ tiền điện cho hộ gia đình theo số lượng điện thực tế sử dụng nhưng tối đa không quá số tiền điện 30kWh/hộ/tháng tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành. Trong hóa đơn tiền điện của hộ gia đình cần phải ghi rõ số tiền được giảm trừ theo chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.

Hằng tháng, cơ quan điện lực có trách nhiệm đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội có lượng điện sử dụng không quá 50kWh/hộ/tháng đã được hỗ trợ tiền điện kèm theo bản tổng hợp danh sách (theo **Biểu mẫu số 06-TT/HTTĐ**) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để được thanh toán theo quy định.

Hằng tháng, căn cứ đề nghị của cơ quan điện lực, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm rà soát, thẩm định trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định thanh toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước đối với phần kinh phí cơ quan điện lực đã giảm trừ số tiền phải thu trực tiếp trong hóa đơn tiền điện thực tế sử dụng của hộ nghèo, hộ chính sách xã hội có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50kWh/hộ/tháng sống ở vùng có điện lưới theo số lượng điện thực tế sử dụng nhưng tối đa không quá 30kWh/hộ/tháng tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm thực hiện thanh toán

với cơ quan điện lực trong 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán của đơn vị.

Cuối năm, cơ quan điện lực có trách nhiệm thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chính sách kèm theo danh sách hộ nghèo, hộ chính sách xã hội có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt hằng tháng không quá 50kWh/hộ/tháng sống ở vùng có điện lưới đã được hỗ trợ trong năm (theo **Biểu mẫu số 07-QT/HTTĐ**), gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Tài chính - Kế hoạch để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết toán kinh phí theo quy định.

b) Đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng chưa có điện lưới:

Hằng quý, căn cứ danh sách hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng chưa có điện lưới do Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút kinh phí (tạm cấp), phân công cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội, cán bộ làm công tác giảm nghèo, trưởng thôn, ấp, bản tổ chức thực hiện hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích chi trả bằng tiền mặt trực tiếp đến từng hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn. Việc chi trả tiền mặt đến hộ gia đình được thực hiện vào đầu kỳ chi trả và hoàn thành trong 15 ngày kể từ khi Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rút kinh phí.

Căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hình thức chi trả phù hợp thông qua cán bộ tại xã, trưởng thôn, ấp hoặc sử dụng dịch vụ bưu chính công ích và thuận lợi cho hộ gia đình (Địa điểm tập trung tại nhà văn hóa tổ dân phố, thôn, xóm hoặc tại nhà từng hộ gia đình). Số tiền hỗ trợ được cấp đủ hằng quý theo định mức, trực tiếp cho người nhận là chủ hộ hoặc thành viên trong hộ, trường hợp đặc biệt hộ gia đình được hỗ trợ tiền điện không có người nhận tiền trực tiếp thì viết Giấy ủy quyền cho người nhận thay, người nhận tiền phải ký nhận và ghi rõ họ tên vào danh sách hộ nghèo, hộ chính sách xã hội nhận hỗ trợ tiền điện theo **Biểu mẫu số 08-CT/HTTĐ** để làm căn cứ thanh toán số kinh phí đã tạm cấp theo quy định.

5. Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội phải quản lý, cấp phát, thanh toán kinh phí chặt chẽ, đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng, theo chế độ quy định. Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập danh sách cho từng hộ gia đình ký nhận và thực hiện đầy đủ thủ tục, chứng từ theo chế độ quy định.

Định kỳ hằng quý, năm Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo theo **Biểu mẫu số 09-QT/HTTĐ** danh sách hộ nghèo và hộ chính sách xã hội thực chi trả, thanh toán, kết quả thực hiện trước ngày 10 đầu quý. Cuối năm, thực hiện quyết toán vào ngân

sách cấp huyện (không quyết toán vào ngân sách cấp xã) kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định, số dư kinh phí phải hủy bỏ và hoàn trả ngân sách cấp trên, số kinh phí còn thiếu bố trí dự toán và được cấp bổ sung vào năm tiếp theo.

Báo cáo gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để lập báo cáo theo **Biểu mẫu số 10-QT/HTTĐ** gửi các cơ quan cấp tỉnh tổng hợp theo **Biểu mẫu số 11-QT/HTTĐ** trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công thương, Ủy ban Dân tộc tình hình thực hiện chi trả hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

Điều 6. Điều chỉnh, bổ sung kinh phí

1. Quá trình thực hiện, khi cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1, số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện trong tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương biến động, căn cứ vào báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện điều chỉnh dự toán kinh phí cho cấp huyện, xã để thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời cho các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

2. Trường hợp số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện thực hiện trong năm cao hơn số đã báo cáo, căn cứ báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạm cấp ngân sách địa phương kịp thời chi trả hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội. Đồng thời, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính bố trí kinh phí còn thiếu trong dự toán năm sau.

Điều 7. Kế toán, kiểm soát và quyết toán

1. Kho bạc Nhà nước huyện có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát việc chi trả theo quy định. Hồ sơ kiểm soát chi đối với kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội gồm:

a) Trường hợp thực hiện chi trả đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng có điện lưới.

- Quyết định giao dự toán;

- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện;

- Giấy rút dự toán (thực chi);

- Biểu tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng có điện lưới được hỗ trợ tiền điện kèm theo đề nghị thanh toán kinh phí của cơ quan điện lực (chi tiết từng hộ đối với quyết toán kinh phí năm).

b) Trường hợp thực hiện chi trả đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng chưa có điện lưới.

- Quyết định giao dự toán;

- Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện;

- Giấy rút dự toán (tạm cấp);

- Sau khi thực hiện chi trả trực tiếp cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng chưa có điện lưới, trên cơ sở Biểu tổng hợp danh sách đối tượng được hỗ trợ tiền điện (có chữ ký của từng hộ dân), Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc hoàn trả (nếu thừa) hoặc rút tiếp kinh phí (nếu còn thiếu) tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

2. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội hạch toán kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn vào Chương 624, Loại 370, Khoản 398, Mục 7100, Tiểu mục 7149 và thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội vào ngân sách cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài chính theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã hạch toán kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội trên địa bàn vào Chương 624, Loại 370, Khoản 398, Mục 7100, Tiểu mục 7149 (Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả theo ủy quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội). Căn cứ quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về thời gian quyết toán ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền điện chi tiết cho từng đối tượng (không quyết toán vào ngân sách cấp xã), gửi phòng Tài chính – Kế hoạch huyện để thẩm tra và quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Sở Tài chính tổng hợp kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn vào quyết toán ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 8. Tổ chức thực hiện, kiểm tra và giám sát

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Công thương, Ủy ban Dân tộc:

- a) Xác định hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện theo quy định;
- b) Lập dự toán kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;
- c) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

2. Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Hàng năm tổng hợp gửi Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc về kết quả thực chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng có điện lưới; cung cấp số hộ gia đình có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50kWh, số xã, số thôn và hộ gia đình sống ở vùng chưa có điện lưới theo từng địa phương.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Tổ chức, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan có liên quan tổ chức quyết định hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện; thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, chi trả, kiểm tra, thanh tra và quyết toán kinh phí thực hiện hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội, đảm bảo việc chi trả kịp thời, đúng đối tượng quy định;

b) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị liên quan tạo điều kiện thuận lợi để Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, cơ quan đoàn thể xã hội các cấp ở địa phương, cộng đồng tham gia giám sát và phối hợp giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội;

c) Hàng năm thực hiện báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Công Thương, Ủy ban Dân tộc số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện, nhu cầu kinh phí và tình hình, kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn.

4. Sở Tài chính

a) Tiếp nhận, quản lý, kiểm tra, thanh tra và tổng hợp quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Công thương, Ban Dân tộc báo cáo định kỳ hằng quý, 06 tháng, hằng năm tình hình, kết quả và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Công thương, Ban Dân tộc

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Công thương, Ban Dân tộc, cơ quan điện lực tổng hợp số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện do Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng gửi Sở Tài chính;

b) Kiểm tra, thanh tra quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện trên địa bàn;

c) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng quý, 06 tháng, hằng năm tình hình, kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện trên địa bàn.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ chính sách xã hội thuộc diện được hỗ trợ tiền điện trên địa bàn, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cung cấp danh sách hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng có điện lưới cho cơ quan điện lực;

b) Chỉ đạo các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã, Kho bạc Nhà nước cấp huyện tổ chức theo dõi tình hình cấp phát, thanh toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện;

c) Định kỳ hằng quý, 06 tháng, hằng năm thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và xã hội, Sở Công thương số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện, nhu cầu kinh phí và tình hình, kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn.

7. Phòng Tài chính - Kế hoạch

a) Tiếp nhận, quản lý, chi trả, kiểm tra và tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện hỗ trợ tiền điện trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Công thương, Phòng Dân tộc báo cáo định kỳ hằng quý, 06 tháng, hằng năm, báo cáo đột xuất tình hình, kết quả và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện trên địa bàn.

8. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Công thương

a) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Công thương, Phòng Dân tộc thẩm định danh sách hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện do Ủy ban nhân dân cấp xã lập theo quy định, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện trên địa bàn, đồng thời báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân huyện thực hiện hỗ trợ tiền điện theo quy định.

c) Kiểm tra quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện trên địa bàn;

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng quý, 06 tháng, hằng năm, báo cáo đột xuất tình hình, kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện trên địa bàn.

9. Công ty điện lực địa phương, đơn vị bán lẻ điện

a) Tiếp nhận danh sách hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng có điện lưới được hỗ trợ tiền điện, chịu trách nhiệm thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt không quá 50kWh/hộ/tháng sống ở vùng có điện lưới đảm bảo đúng quy định, công khai, minh bạch;

b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng quý, 06 tháng, hằng năm, báo cáo đột xuất, công khai tình hình, kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện.

10. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tiếp nhận, quản lý, chi trả kinh phí trực tiếp hỗ trợ tiền điện đến các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng chưa có điện lưới trên địa bàn đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng và chế độ quy định; giao cán bộ xã, thôn tổ chức thực hiện hoặc ký hợp đồng với Bưu điện để thực hiện chi trả cho người dân thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Thường xuyên cập nhật danh sách các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện báo cáo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Dân tộc để tổng hợp chung;

c) Kiểm tra quá trình chi trả hỗ trợ tiền điện trên địa bàn;

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng quý, 06 tháng, hằng năm, báo cáo đột xuất, công khai tình hình, kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện theo quy định.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2018 và thay thế Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

2. Các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định tại Thông tư này để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc và chính quyền địa phương cấp dưới tổ chức thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực
- Sở LĐTĐBXH thuộc Trung ương;
- Sở Công thương
- Ban Dân tộc
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, NSNN (.....b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn



DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN HỒ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO, HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI, HỘ ĐÔNG DÂN DÂN TỘC THIẾU SỐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BTC ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài chính)
 NĂM.....

STT	Thôn, ấp, bản	Dự toán năm nay											Dự toán năm sau		
		Gồm:											Gồm:		
		Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Số hộ nghèo thu nhập sống ở vùng có điện lưới	Số hộ nghèo thu nhập sống ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc điện thu nhập) có lượng điện sử dụng trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc điện thu nhập) hộ nghèo thu nhập sống ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ đông dân tộc thiểu số	Tổng số tiền hỗ trợ (ngàn đồng)	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Số hộ nghèo thu nhập sống ở vùng có điện lưới	Số hộ nghèo thu nhập sống ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc điện thu nhập) có lượng điện sử dụng trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc điện thu nhập) hộ nghèo thu nhập sống ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ đông dân tộc thiểu số	Tổng số tiền hỗ trợ (ngàn đồng)
A	B	1=2+3+4+5+6	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12+13	9	10	11	12	13	14
1-	Thôn A														
2-	Ấp B														
	Tổng số														

- Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện năm nay: Hộ
- Tổng kinh phí năm nay (Viết bằng chữ)..... ngàn đồng.
- Dự kiến tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện năm sau: Hộ
- Dự kiến tổng kinh phí năm sau (Viết bằng chữ)..... ngàn đồng.

..... ngày .. tháng .. năm ..
 Chủ tịch UBND cấp xã
 (Ký tên, đóng dấu)

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN HỒ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BTC ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài chính)

STT	Các xã, phường, thị trấn	Ước thực hiện dự toán năm nay					Dự toán năm sau								
		Gồm:					Gồm:								
		Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Số hộ nghèo thu nhập song ở vùng có điện lưới	Số hộ nghèo thu nhập song ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập song ở vùng có điện lưới)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập song ở vùng có điện lưới)	Số hộ đồng dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập song ở vùng có điện lưới)	Số hộ đồng dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập song ở vùng có điện lưới)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập song ở vùng có điện lưới)	Số hộ đồng dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập song ở vùng có điện lưới)	Tổng số tiền hỗ trợ (ngàn đồng)	Tổng số tiền hỗ trợ (ngàn đồng)			
A	B	1=2+3+4+5+6	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12+13	9	10	11	12	13	14
1-	Xã A														
2-	Phường B														
...															
	Tổng số														

- Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện năm nay: Hộ
- Tổng kinh phí năm nay (Viết bằng chữ)..... ngàn đồng.
- Dự kiến tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện năm sau:..... Hộ
- Dự kiến tổng kinh phí năm sau (Viết bằng chữ):..... ngàn đồng.

....., ngày ... tháng ... năm
 Chủ tịch UBND cấp huyện
 (Ký tên, đóng dấu)

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN HỒ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Thông tư số

/2018/TT-BTC ngày

tháng năm 2018 của Bộ Tài chính)

NĂM.....

STT	Các huyện, quận, thị xã, thành phố	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Ước thực hiện dự toán năm nay						Dự toán năm sau												
			Số hộ nghèo thu nhập vùng có điện lưới		Số hộ nghèo thu nhập vùng chưa có điện lưới		Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập vùng có điện lưới)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập vùng chưa có điện lưới)	Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập vùng có điện lưới)	Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập vùng chưa có điện lưới)	Tổng số tiền hỗ trợ (ngân đồng)	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Số hộ nghèo thu nhập vùng có điện lưới		Số hộ nghèo thu nhập vùng chưa có điện lưới		Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập vùng có điện lưới)	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập vùng chưa có điện lưới)	Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập vùng có điện lưới)	Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập vùng chưa có điện lưới)	Tổng số tiền hỗ trợ (ngân đồng)
A	B	I=2+3+4+5+6	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12+13	9	10	11	12	13	14						
1-	Huyện A																				
2-	Thị xã B																				
	Tổng số																				

1. Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện năm nay: Hộ

2. Tổng kinh phí năm nay (Viết bằng chữ): ngân đồng

Trong đó: - Ngân sách trung ương ngân đồng

- Ngân sách địa phương ngân đồng

3. Dự kiến tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện năm sau: Hộ

Trong đó: - Ngân sách trung ương ngân đồng

- Ngân sách địa phương ngân đồng

..... ngày ... tháng ... năm

UBND tỉnh, thành phố

(Ký tên, đóng dấu)

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BTC ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài chính)

NĂM.....

STT	Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Ước thực hiện dự toán năm nay						Dự toán năm sau							
		Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Số hộ nghèo thu nhập ở vùng có điện lưới	Số hộ nghèo thu nhập ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có dụng cụ dùng trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có dụng cụ dùng trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới	Số hộ đồng dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có dụng cụ dùng trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Tổng số hộ đồng dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có dụng cụ dùng trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có dụng cụ dùng trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới	Số hộ đồng dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có dụng cụ dùng trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có dụng cụ dùng trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới	Số hộ đồng dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có dụng cụ dùng trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới	Tổng số tiền hỗ trợ (ngân đồng)	
A	B	1=2+3+4+5+6	2	3	4	5	6	7	8=9+10+11+12+13	9	10	11	12	13	14
1-	Tỉnh A														
2-	Thành phố B														
...	...														
	Tổng số														

- Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện năm nay: Hộ
 Trong đó: - Ngân sách trung ương ngân đồng
 - Ngân sách địa phương ngân đồng
- Tổng kinh phí năm nay (Viết bằng chữ): ngân đồng
 Trong đó: - Ngân sách trung ương ngân đồng
 - Ngân sách địa phương ngân đồng
- Dự kiến tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện năm sau: Hộ
- Dự kiến tổng kinh phí năm sau (Viết bằng chữ): ngân đồng
 Trong đó: - Ngân sách trung ương ngân đồng
 - Ngân sách địa phương ngân đồng

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm
 Bộ
 (Ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI SỐNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BTC ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài chính)
 Năm....

STT	Họ và tên chủ hộ	Hộ nghèo thu nhập và hộ chính sách xã hội					Ghi chú
		Hộ nghèo thu nhập sống ở vùng có điện lưới	Hộ nghèo thu nhập sống ở vùng chưa có điện lưới	Hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) sống ở vùng có điện lưới	Hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) sống ở vùng chưa có điện lưới	Hộ đồng bào dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) sống ở vùng chưa có điện lưới	
A	B	1	2	3	4	5	6
I-	Thôn A						
1	Nguyễn Văn A	X					
2	Lê Thị B		X				
3	Trần Ngọc C			X			
4	Hoàng Thị D				X		
5	Lê Văn E					X	
...	...						
2-	Ấp B						
...	...						
	Tổng số						

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội sống ở vùng có điện lưới: hộ;
 Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng chưa có điện lưới: hộ;

Người lập biên
 (Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....
 Chủ tịch UBND cấp xã
 (Ký tên, đóng dấu)

KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN CHO HỘ NGHÈO, HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI SÁNG Ồ VÙNG CÓ ĐIỆN LƯỚI

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BTC ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài chính)

Tháng ... Năm ... (06 tháng Năm.../ Quý ... Năm...)

STT	Xã, phường, thị trấn	Số hộ đã được hỗ trợ		Gồm		Tổng số kWh điện đã hỗ trợ (kWh/hộ/tháng)	Gồm		Tổng số tiền đã hỗ trợ (1.000 đồng)	Gồm	
		Hộ nghèo thu nhập	Hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có lượng điện sử dụng không quá 50kWh/hộ/tháng	Hộ nghèo thu nhập	Số kWh điện đã hỗ trợ hộ nghèo thu nhập		Số kWh điện đã hỗ trợ hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có lượng điện sử dụng không quá 50kWh/hộ/tháng	Số tiền đã hỗ trợ hộ nghèo thu nhập		Số tiền đã hỗ trợ hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có lượng điện sử dụng không quá 50kWh/hộ/tháng	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8=5x mức hỗ trợ	9=6x mức hỗ trợ	
1	Xã A										
2	Phường B										
...	...										
	Tổng số										

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện trong tháng: hộ.

Tổng số kWh điện được hỗ trợ trong tháng: kWh/hộ/tháng

Tổng số tiền đã thực hiện giảm trừ trực tiếp trong hóa đơn tiền điện trong tháng (Viết bằng chữ):.....đồng.

..., ngày ... tháng ... năm...

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HUYỆN.../

ĐƠN VỊ BÁN LẺ ĐIỆN...

(Ký tên, đóng dấu)

Phòng Tài chính - Kế hoạch

(Ký tên, đóng dấu)

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

(Ký tên, đóng dấu)

..., ngày ... tháng ... năm...

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN...

(Ký tên, đóng dấu)

KINH PHÍ HỒ TRỢ TIỀN ĐIỆN CHO HỘ NGHÈO, HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI SỐNG Ở VÙNG CỎ ĐIỆN LƯỚI.

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BTC ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài chính)
 Năm ...

STT	Họ và tên chủ hộ	Số hộ đã được hỗ trợ	Gồm			Gồm			Gồm	
			Hộ nghèo thu nhập	Hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có lượng điện sử dụng trong tháng không quá 50kWh/hộ/tháng	Tổng số kWh điện đã hỗ trợ (kWh/hộ/năm)	Số kWh điện đã hỗ trợ hộ nghèo thu nhập	Số kWh điện đã hỗ trợ hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có lượng điện sử dụng trong tháng không quá 50kWh/hộ/tháng	Tổng số tiền đã hỗ trợ (1.000 đồng)	Số tiền đã hỗ trợ hộ nghèo thu nhập	Số tiền đã hỗ trợ hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có lượng điện sử dụng trong tháng không quá 50kWh/hộ/tháng
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8=5x mức hỗ trợ	9=6x mức hỗ trợ
A	Xã A									
I	Thôn A1									
1	Nguyễn Văn A		X							
2	Lê Thị B			X						
...	...									
II	Xóm B2									
1	Hoàng Văn C			X						
2	Nguyễn Thị D		X							
...	...									
B	Phường B									
...	...									
	Tổng số									

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện trong năm: hộ.

Tổng số kWh điện được hỗ trợ trong năm: kWh/năm

Tổng số tiền đã thực hiện giám trừ trực tiếp trong hóa đơn tiền điện trong năm (Viết bằng chữ):.....đồng.

...., ngày ... tháng ... năm...
CÔNG TY ĐIỆN LỰC/HUYỆN.../
ĐƠN VỊ BÁN LẺ ĐIỆN...
 (Ký tên, đóng dấu)

Phòng Tài chính - Kế hoạch
 (Ký tên, đóng dấu)

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
 (Ký tên, đóng dấu)

...., ngày ... tháng ... năm...
CHỦ TỊCH UBND HUYỆN...
 (Ký tên, đóng dấu)

UBND HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
 UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

DANH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI SỐNG Ở VÙNG CHUA CÓ ĐIỆN LƯỚI

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BTC ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài chính)
 Tháng ... Năm ... (06 tháng Năm.../ Quý ... Năm...)

STT	Họ và tên chủ hộ	Tổng số hộ nghèo thu nhập và hộ chính sách xã hội	Hộ nghèo thu nhập và hộ chính sách xã hội		Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) sống ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) sống ở vùng chưa có điện lưới	Số tháng được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (1.000 đồng)	Ký nhận Ghi rõ họ và tên
			Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) sống ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ nghèo thu nhập chưa có điện lưới					
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6=1x5x mức hỗ trợ	7	
I-	Thôn A								
1	Nguyễn Văn A		X						
2	Lê Thị B			X					
3	Trần Ngọc C				X				
...	...								
2-	Ấp B								
...	...								
	Tổng số								

Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện đã nhận tiền: hộ;
 Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
 (Ký tên, đóng dấu)

Người chỉ tra
 (Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.... tháng.... năm....
 Chủ tịch UBND cấp xã
 (Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI SỐNG Ở VÙNG CHƯA CÓ ĐIỆN LƯỚI

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BTC ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài chính)
 Tháng ... Năm ... (06 tháng Năm.../ Quý ... Năm...)

1. Kinh phí kỳ trước chuyển sang (nếu có): đồng
2. Kinh phí thực nhận kỳ này: đồng
3. Tổng kinh phí được sử dụng kỳ này: đồng
4. Kinh phí đã sử dụng trong kỳ: đồng

STT	Tên thôn, ấp, bản	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Gồm				Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ (1.000 đồng)
			Số hộ nghèo thu nhập sống ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) sống ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) sống ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) sống ở vùng chưa có điện lưới		
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6=1x5x mức hỗ trợ	
1-	Thôn A							
2-	Bản B							
....								
	Tổng số							

- Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện đã nhận tiền kỳ này: hộ;
 Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : đồng.
 5. Kinh phí giảm kỳ này (nộp trả, giảm khác) : đồng
 6. Kinh phí chưa sử dụng cuối kỳ này (nếu có): đồng

Người chi trả
 (Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....
 Chủ tịch UBND cấp xã
 (Ký tên, đóng dấu)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
 UBND HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

BÁO CÁO KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BTC ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài chính)
 Tháng ... Năm ... (06 tháng Năm.../ Quý ... Năm...)

- Kinh phí kỳ trước chuyển sang (nếu có): đồng
- Kinh phí thực nhận kỳ này: đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng kỳ này: đồng
- Kinh phí đã sử dụng trong kỳ: đồng

STT	Tên thôn, ấp, bản	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Gồm:					Tổng số tiền hỗ trợ (1.000 đồng)
			Số hộ nghèo thu nhập sống ở vùng có điện lưới	Số hộ nghèo thu nhập sống ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có lượng điện sử dụng trong tháng không quá 50 kWh ở vùng có điện lưới	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) sống ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) sống ở vùng chưa có điện lưới	
A	B	1 = 2+3+4+5	2	3	4	5	6 = 1x5x mức hỗ trợ	
1-	Xã A							
2-	Phường B							
...							
	Tổng số							

- Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện kỳ này: hộ;
 Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : đồng;
 5. Kinh phí giám kỳ này (mộ trả, giám khác) : đồng
 6. Kinh phí chưa sử dụng cuối kỳ này (nếu có): đồng

Phòng Tài chính - Kế hoạch
 (Ký tên, đóng dấu)

....., ngày... tháng... năm....
 Chủ tịch UBND cấp huyện
 (Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO KINH PHÍ THỰC HIỆN HỒ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO VÀ HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Thông tư số

/2018/TT-BTC ngày

tháng

năm 2018 của Bộ Tài chính)

Năm.....

1. Kinh phí kỳ trước chuyển sang (nếu có): đồng
2. Kinh phí thực hiện kỳ này:..... đồng
3. Tổng kinh phí được sử dụng kỳ này:..... đồng
4. Kinh phí đã sử dụng trong kỳ: :..... đồng

STT	Tên thôn, ấp, bản	Tổng số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	Gồm						Tổng số tiền hỗ trợ (1.000 đồng)
			Số hộ nghèo thu nhập sống ở vùng có điện lưới	Số hộ nghèo thu nhập sống ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) có dung trong tháng kWh ở vùng có điện lưới	Số hộ chính sách xã hội (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) sống ở vùng chưa có điện lưới	Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số (không thuộc diện hộ nghèo thu nhập) sống ở vùng chưa có điện lưới		
A	B	1 = 2+3+4+5+6	2	3	4	5	6	7=1 x số tháng x mức hỗ trợ	
1-	Huyện A								
2-	Quận B								
....	Tổng số								

- Tổng số hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện kỳ này: hộ;
 Tổng số tiền (Viết bằng chữ) :..... đồng.
 5. Kinh phí giảm kỳ này (nộp trả, giảm khác) :..... đồng
 6. Kinh phí chưa sử dụng cuối kỳ này (nếu có):..... đồng

Sở Tài chính
(Ký tên, đóng dấu)

..... ngày..... tháng..... năm.....
 Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố
(Ký tên, đóng dấu)

